

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20-12-2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn; Ông Giáp Văn Phẩm.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 394/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1971 (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Dương Văn C, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Chị và anh Dương Văn C kết hôn vào năm 2013. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau tại thôn V, xã T. Vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc từ khi cưới đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ cuối năm 2018 chị không qua lại gia đình anh C nữa, vợ chồng không quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 12/2018 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Văn C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề này.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị H xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Dương Văn C trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị H vào năm 2013, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn hay xô xát gì, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống với nhau. Khi biết chị H gửi đơn xin ly hôn ra Tòa án, anh đã động viên, khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Nay anh thấy tình cảm với chị H vẫn còn nên việc chị H đề nghị ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề này.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Vì anh không đồng ý ly hôn nên về vấn đề tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh nhất trí để chị Trần Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

Nguyên đơn chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Văn C, chị H trình bày lý do vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu do gia đình anh C có ác cảm với chị vì chị đã từng có một đời chồng, có hai người con riêng và hiện nay chị vẫn chăm sóc người chồng trước bị tâm thần. Khi chị bị bệnh tật hiểm nghèo thì anh C bỏ rơi, không quan tâm gì đến chị.

Các vấn đề về con chung, tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị H xin chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Bị đơn anh Dương Văn C vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Dương Văn C.

- Về con chung, tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn là chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Dương Văn C ly hôn. Xét thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn C đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 16/12/2019 Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì anh C vắng mặt không lý do. Ngay sau đó Tòa án đã tiến hành giao, tổng đạt giấy triệu tập lần thứ hai cho anh Dương Văn C. Tại phiên tòa hôm nay anh C tiếp tục vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Dương Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H kết hôn với anh Dương Văn C vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của các bên đương sự và theo tài liệu được thu thập, xác minh có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định từ năm 2014 vợ chồng chị H – anh C đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề tình cảm, cụ thể hơn là do chị H không được sự ủng hộ và tôn trọng của gia đình anh C vì trước đây chị H đã có một đời chồng và có hai người con riêng. Sau khi kết hôn với anh C, chị H vẫn chăm sóc người cho chồng trước bị bệnh tâm thần để cho các con của chị đỡ tủi thân. Vì những mâu thuẫn và khác biệt không thể hàn gắn nên từ năm 2018 chị H không qua lại gia đình anh C nữa, vợ chồng không quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 12/2018 đến nay. Anh Dương Văn C mặc dù muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Văn C đều không chấp hành các giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua đó thể hiện anh Dương Văn C không thiện chí và mong muốn đoàn tụ với chị Trần Thị H, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Xét thấy vợ chồng chị H – anh C không chung sống với nhau đã một thời gian dài, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H để xử cho chị H được ly hôn với anh Dương Văn C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị H, anh Dương Văn C không có con chung. Do vậy không đặt ra xem xét vấn đề này.

[6] Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác: Chị Trần Thị H và anh Dương Văn C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Dương Văn C.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005704 ngày 13 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Xác nhận chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Án xử công khai sơ thẩm./.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- UBND xã T, huyện L;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Công thông tin điện tử tòa án;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thái Sơn**